

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2022/DS-PT

Ngày: 05/8/2022

*V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất và
hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn C16;

Ông Trần Văn Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Phạm Văn Hòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6531/2022/QĐPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 1956 và bà Lê Thị L, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ 2, phường PT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Ông H và bà L đều có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Nguyễn Đăng H; có mặt.

2. Bị đơn:

- Bà Lự Thị P, vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn K; vắng mặt. Ông K ủy quyền cho ông ông Đỗ Đức T; có mặt

- Ông Hoàng Văn H2; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn NN, xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P, ông K, ông H2: Anh Hoàng Văn V; địa chỉ: Thôn NN, xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái; anh V có mặt.

- Ông Hoàng Văn C2; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Lò Thị C3; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn M2; có mặt.

- Bà Nùng Thị N2; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Hoàng Thị C4; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn T5; vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn T6; vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn T7; có mặt.

- Ông Hoàng Văn T8; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn PB, xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND huyện VC, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn T – Phó Chủ tịch UBND huyện VC, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch UBND huyện VC, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn T – Phó Chủ tịch UBND huyện VC, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- UBND xã Tú Lệ, huyện VC, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phùng Thế H – Chủ tịch UBND xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ban quản lý rừng phòng hộ huyện MCC, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

- Ông Vũ Công M8; địa chỉ: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng xuất nhập khẩu Thăng Long – Ô số 6, Biệt thự 1 Khu đô thị mới PVTH, phường HL, quận HM, T phố Hà Nội; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Lò Văn M9 và bà Lò Thị L10; cùng địa chỉ: Thôn PB, xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái; đều vắng mặt.

- Bà Đồng Thị H11; địa chỉ: Thôn PB, xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

- Ông Lò Văn T12 và bà Lò Thị L11; địa chỉ: Thôn Nà Lóng, xã Tú Lệ, huyện VC, tỉnh Yên Bái; đều vắng mặt.
- Ông Lò Văn C13; địa chỉ: Thôn Phạ Dưới, xã Tú Lệ, huyện VC, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.
- Bà Hoàng Thị V14; địa chỉ: Thôn NN, xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.
- Bà Lò Thị N15; địa chỉ: Thôn PB, xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.
- Ông Hà Minh C16 và bà Vũ Thị Tuyết L; địa chỉ: Tổ 11, phường Trung T5, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái; đều vắng mặt.
- Ông Hoàng Đức D17; địa chỉ: Tổ 5, phường PT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.
- Anh Hoàng Văn V; địa chỉ: Thôn NN, xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái; có mặt.
- Bà Hoàng Thị T18; địa chỉ: Thôn Mạ Tun, xã Tú Lệ, huyện VC, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.
- Bà Hoàng Thị Y; địa chỉ: Thôn Trâm Lụt, xã Cẩm Thủy, huyện Cẩm Yên, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.
- Bà Hoàng Thị M18; địa chỉ: Bản Lằm, xã Sơn Lương, huyện VC, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Nguyễn Đăng H và bà Lê Thị L trình bày:

Ngày 15/6/2016, ông Nguyễn Đăng H và bà Lê Thị L đã nhận chuyển nhượng 02 thửa đất, với tổng diện tích là 981,1m² như sau:

Thửa thứ nhất của ông Lò Văn M9 và bà Lò Thị L10, với diện tích là 531,7m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CH 01346 ngày 30/10/2014 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện VC, tỉnh Yên Bái.

Thửa thứ hai của bà Đồng Thị H11 với diện tích là 449,4m², GCNQSDĐ số CH 01345 ngày 30/10/2014 của UBND huyện VC.

(02 thửa đất của ông Lò Văn M9 và bà Lò Thị L10, bà Đồng Thị H11 nhận chuyển nhượng từ ông Vũ Công M8; ông M8 đã được UBND huyện VC cấp GCNQSDĐ).

Việc chuyển nhượng diện tích đất trên, các bên có giấy viết tay, sau đó đã được lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chứng thực của UBND xã Tú Lệ. Ông H và bà L đã trả đủ tiền cho ông M9 và bà L10, bà H11.

Năm 2016, ông H, bà L có cho ông Dũng (trú tại: Thôn PB, xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái) thuê để làm nhà ở và đóng gạch. Trong quá trình thuê đất thì gia đình bà Lữ Thị P đến cản trở, gây khó khăn cho ông Dũng; năm 2019, thì ông Dũng trả lại đất cho ông H, bà L.

Năm 2017, ông H và bà L được UBND huyện VC cấp GCNQSDĐ số CL 560250, số vào sổ cấp GCN: CH 01458 ngày 22/11/2017, với diện tích là 981,1m² (trong đó: Đất ở 724,0m², đất trồng cây lâu năm 257,1m²).

Năm 2019, gia đình ông H, bà L chuẩn bị xây nhà thì phía gia đình nhà bà P (vợ ông Hoàng Văn Pành) cùng các con là Hoàng Văn K, Hoàng Văn H2 đến cản trở. Sau đó, thì có thêm gia đình ông Hoàng Văn C2, bà Lò Thị C3 cùng các con, cháu là Hoàng Văn M2, Nùng Thị N2, Hoàng Thị C4, Hoàng Văn T5, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn T7, Hoàng Văn T8 đến lập hàng rào, chiếm giữ, N2 cản không cho vợ chồng ông H xây nhà. Ông H, bà L đã nhiều lần đề nghị UBND xã Tú Lệ, UBND huyện VC giải quyết. Mặc dù các cơ quan có thẩm quyền đã kết luận và yêu cầu các hộ gia đình nêu trên phải trả lại đất cho vợ chồng ông H sử dụng, nhưng những đối tượng trên không chấp hành mà đến tháng 3/2020 còn xây dựng nhà trên đất, đến nay các gia đình trên vẫn chiếm giữ và sử dụng mảnh đất của ông H, bà L.

Ngày 17/9/2019, ông H, bà L đã làm đơn tố giác tội phạm gửi đến Cơ quan Điều tra công an tỉnh Yên Bái; sau khi xác M8 Công an đã trả lời vụ việc là tranh chấp dân sự nên hướng dẫn khởi kiện dân sự tại Tòa án nhân dân huyện VC.

Ngày 15/12/2019, ông H và bà L đã có đơn khởi kiện vụ án dân sự; Tòa án nhân dân huyện VC đã có Thông báo về việc thụ lý vụ án số 12/TB-TLVA ngày 07/10/2020.

Tháng 4/2020, ông H, bà L làm đơn tố giác tội phạm gửi đến Công an huyện VC về hành vi hủy hoại tài sản đối với Hoàng Văn H2 (người phá nhà trên thửa đất của ông H, bà L, mà các bên đang tranh chấp).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2020/HS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái đã xử phạt Hoàng Văn H2 08 tháng tù nhưng cho H2 án treo về tội “Hủy hoại tài sản”.

Ngày 30/6/2021, Tòa án nhân dân huyện VC đưa vụ án dân sự ra xét xử và có Quyết định số 02/2021/QĐST-DS chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái để giải quyết theo quy định.

Nguyên đơn ông Nguyễn Đăng H và bà Lê Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc các bị đơn (những người đang chiếm giữ trái phép thửa đất), gồm: Lự Thị P, Hoàng Văn K, Hoàng Văn H2, Hoàng Văn C2, Lò Thị C3, Hoàng Văn M2, Nùng Thị N2, Hoàng Thị C4, Hoàng Văn T5, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn T7, Hoàng Văn T8 trả lại diện tích đất theo GCNQSDĐ số CL 560250, số vào sổ cấp GCN: CH 01458 ngày 22/11/2017, với diện tích là 981,1m² (trong đó: Đất ở 724,0m², đất trồng cây lâu năm 257,1m²) do UBND huyện VC cấp cho ông H và bà L để ông H, bà L tiếp tục được sử dụng.

Ý kiến của bị đơn (người đại diện):

Đối với gia đình bà Lự Thị P (gồm: Lự Thị P, Hoàng Văn K, Hoàng Văn H2) thống nhất thể hiện:

Bà Lự Thị P, chồng là ông Hoàng Văn Pành (chết năm 2017) có 06 người con gồm: Hoàng Thị T18, Hoàng Văn K, Hoàng Thị Yêu, Hoàng Thị Mến, Hoàng Văn V, Hoàng Văn H2.

Năm 1997, ông Hà Văn Đàm (Chủ tịch UBND xã Tú Lệ, huyện VC, tỉnh Yên Bái), ông Phạm M9 Đoài (Phó giám đốc Lâm trường VC) đến nhà bà P để mượn đất làm vườn ươm cây trồng cho Lâm trường VC. Vợ chồng bà P thống nhất đi đến nhà ông Sôm (Xôm) hỏi đổi đất, vợ chồng bà P lấy ruộng cá nhân tự khai phá và một thửa ruộng khoán của Hợp tác xã giao cho gia đình (ở gần nhà ông Sôm) để đổi cho ông Sôm. Hai bên gia đình tự trao đổi đất cho nhau không báo cáo, xin ý kiến chính quyền địa phương, diện tích đất đổi cho nhau khoảng 700m².

Sau đó, gia đình bà P giao mảnh đất đã đổi với ông Sôm để cho Lâm trường VC mượn, khi mượn đất ông Đàm, ông Đoài mượn đất không có giấy tờ gì, chỉ trao đổi bằng lời nói.

Diện tích đất cho mượn khoảng hơn 700m², diện tích đất đang tranh chấp có chiều dài cạnh thửa khoảng 27m theo chiều mặt đường, chiều sâu khoảng 32m; vị trí đất tại thôn NN, xã TL, huyện VC gần nghĩa trang Trung Quốc. Khi cho mượn đất gia đình bà P không nhận bất kỳ một khoản tiền bồi thường nào.

Năm 2004, Lâm trường VC không làm vườn ươm nữa nhưng không trả lại đất cho gia đình bà P, mà chuyển nhượng đất này cho người khác. Cụ thể, Lâm trường VC đã chuyển nhượng cho ông Vũ Công M8. Về sau, ông M8 chuyển nhượng khu đất này cho 06 hộ dân, các hộ dân đều được cấp GCNQSDĐ; gồm: Lò Văn M9 và Lò Thị L10; Đồng Thị H11; Lò Văn Thịnh và Lò Thị L10; Lò Thị N15; Hoàng Thị Văn; Lò Văn C13. Trong 06 hộ trên thì có Lò Văn M9 và Lò Thị L10; Đồng Thị H11 chuyển nhượng cho ông H, bà L; quá trình chuyển nhượng đất thế nào gia đình bà P không được biết rõ.

Năm 2020, ông H2 có xây dựng căn nhà cấp 4 trên đất đang tranh chấp.

Vợ chồng ông H, bà L đòi đất của gia đình bà P thì gia đình bà P không nhất trí trả vì đây là đất của gia đình bà cho Lâm trường VC mượn. Đồng thời đề nghị Tòa án hủy: Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 02/7/1997 của UBND huyện VC; Quyết định số 111A/QĐ-UB ngày 23/12/2004 của Chủ tịch UBND huyện VC; giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Lâm trường VC cho ông Vũ Công M8 ngày 03/6/2004; các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho: Ông Vũ Công M8; ông Nguyễn Đăng H và bà Lê Thị L; ông Lò Văn M9 và bà Lò Thị L10; bà Đồng Thị H11; đề nghị Lâm trường VC, UBND xã Tú Lệ, UBND huyện VC trả lại đất mà gia đình bà P cho Lâm trường VC mượn từ năm 1997.

Theo gia đình ông Hoàng Văn C2, bà Lò Thị C3 (gồm: Hoàng Văn C2, Lò Thị C3, Hoàng Văn M2, Nùng Thị N2, Hoàng Thị C4, Hoàng Văn T5, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn T7, Hoàng Văn T8) thống nhất thể hiện:

Bố mẹ đẻ của ông C2 có khai hoang thửa đất giáp đường đi vào nghĩa trang Trung Quốc, diện tích đất không nhớ rõ; ông C2, bà C3 được bố mẹ bàn giao cho để trồng hoa màu, ngô.

Đến năm 1997, ông Hà Văn Đàm là Chủ tịch UBND xã Tú Lệ (hiện nay đã chết) và ông Phạm M9 Đoài là Giám đốc Lâm trường VC đến hỏi mượn đất để làm vườn ươm, vì ngô đang thu hoạch nên gia đình ông C2 không muốn cho mượn. Nhưng sau đó lại đồng ý cho mượn và xã trả cho gia đình 2.000.000 đồng tiền cây ngô; quá trình mượn đất không làm giấy tờ gì. Còn có ông Lự Văn Xuân là Phó Chủ tịch UBND, Trưởng Công an xã Tú Lệ và ông Đồng Văn M8 là Bí thư xã Tú Lệ có biết việc mượn đất (BL 350).

Về diện tích đất cho mượn: Không xác định được diện tích cụ thể, có cạnh thửa khoảng 50m theo chiều mặt đường, chiều sâu khoảng 35m (diện tích đất đang tranh chấp khoảng 8m theo chiều mặt đường, giáp đất bà Lự Thị P). Vị trí đất tại thôn NN, xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái, gần nghĩa trang Trung Quốc.

Năm 2004, Lâm trường VC không làm vườn ươm nữa thì cũng không trả lại đất cho gia đình ông mà chuyển nhượng đất này cho người khác. Cụ thể Lâm trường VC đã chuyển nhượng cho ông Vũ Công M8; về sau, ông M8 chuyển nhượng khu đất này cho 06 hộ dân, các hộ dân đều được cấp GCNQSDĐ (gồm: Lò Văn M9 và Lò Thị L10; Đồng Thị H11; Lò Văn Thịnh và Lò Thị L10; Lò Thị N15; Hoàng Thị Văn; Lò Văn C13). Trong 06 hộ trên thì có Lò Văn M9 và Lò Thị L10; Đồng Thị H11 chuyển nhượng cho ông H, bà L.

Năm 2016, ông Lò Văn Thịnh (Trưởng Công an xã Tú Lệ) đã giao cho gia đình bà C3 số tiền 42.000.000 đồng, nói là tiền đền bù hoa màu cho gia đình 18 năm nay không canh tác được gì. Năm 2020, ông Hoàng Văn T8 có xây dựng căn nhà cấp 4 trên đất đang tranh chấp.

Nay vợ chồng ông H, bà L đòi đất của gia đình ông C2 thì gia đình ông không nhất trí trả vì đây là đất của gia đình ông cho Lâm trường VC mượn. Đồng thời đề nghị Tòa án hủy: Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 02/7/1997 của UBND huyện VC; Quyết định số 111A/QĐ-UB ngày 23/12/2004 của Chủ tịch UBND huyện VC; các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho: Ông Nguyễn Đăng H và bà Lê Thị L; ông Lò Văn M9 và bà Lò Thị L10; bà Đồng Thị H11; ông Lò Văn Thịnh và Lò Thị L10; ông Lò Văn C13; bà Hoàng Thị Văn; bà Lò Thị N15.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Đại diện của UBND và Chủ tịch UBND huyện VC, tỉnh Yên Bái có văn bản trình bày:

Đối với Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 02/7/1997 của UBND huyện VC; Quyết định số 111A/QĐ-UB ngày 23/12/2004 của Chủ tịch UBND huyện VC hiện nay UBND huyện VC chưa tiếp cận được văn bản gốc (văn bản đảm bảo tính pháp lý) nên chưa có căn cứ để đánh giá về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định.

Từ trước đến nay, UBND huyện VC chưa tiếp nhận, tiếp cận tài liệu nào có thông tin thể hiện việc gia đình bà Lự Thị P và gia đình ông Hoàng Văn C2 có cho Lâm trường VC mượn đất để làm vườn ươm.

Một số cán bộ UBND xã Tú Lệ thời điểm năm 1997 (ông Hà Văn Đàm, ông Đồng Văn M8, ông Lự Văn Xuân) có ý kiến xác nhận việc gia đình bà Lự Thị P và gia đình ông Hoàng Văn C2 có cho Lâm trường VC mượn đất để làm vườn ươm, đây chỉ là ý kiến của các cá nhân nhưng chưa có tài liệu, chứng cứ đầy đủ để chứng M8.

Việc UBND huyện VC giao đất cho Lâm trường VC làm vườn ươm theo Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 02 tháng 7 năm 1997, Lâm trường VC có được quyền chuyển nhượng đất cho người khác hay không (ngày 03/6/2004, ông Phạm M9 Đoài là Giám đốc Lâm trường có Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Vũ Công M8) thì UBND huyện VC chưa tiếp cận được hồ sơ, tài liệu đảm bảo tính pháp lý để chứng M8.

Ngày 23/12/2004, Chủ tịch UBND huyện VC ban hành Quyết định số 111A/QĐ-UB, về việc thu hồi đất làm vườn ươm cây giống tại khu vực xã Tú Lệ, huyện VC giao cho UBND xã Tú Lệ quản lý nhưng đến ngày 30/12/2004 lại xác nhận được chuyển nhượng đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/6/2004 (giữa giám đốc Lâm trường VC và ông Vũ Công M8). UBND huyện VC chưa tiếp cận được hồ sơ, tài liệu đảm bảo tính pháp lý để chứng M8 cho việc UBND xã Tú Lệ xác nhận chuyển nhượng đối với Hợp đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng đất ngày 03/6/2004, giữa ông Phạm M9 Đoài là Giám đốc Lâm trường VC và ông Vũ Công M8.

Hiện nay, Lâm trường VC sáp nhập với Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Mù Cang, tỉnh Yên Bái.

Việc cấp GCNQSDĐ cho ông Vũ Công M8 năm 2012 thực hiện theo đúng Luật Đất đai 2003 và thẩm quyền của UBND huyện VC.

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận cho các hộ: Lò Văn M9 và Lò Thị L10; Đồng Thị H11; Lò Văn Thịnh và Lò Thị L10; Lò Thị N15; Hoàng Thị Văn; Lò Văn C13; Nguyễn Đăng H và bà Lê Thị L là đúng theo quy định của Luật Đất đai 2013.

UBND xã Tú Lệ (đại diện ông Lò Văn Thức - Chủ tịch) có văn bản thể hiện:

Về nguồn gốc đất: Do UBND huyện VC thu hồi từ 02 hộ gia đình ông Hoàng Văn Pành và ông Hoàng Văn C2 giao cho Lâm trường VC sử dụng ương cây giống, với diện tích 2.218m², gồm 02 ô, trong đó: Ô số 01 có diện tích 1.023m² giáp nghĩa trang Trung Quốc (đất xã quản lý do ông Pành đầu thầu), ô số 02 có diện tích 1.095m² (đất lấy theo ông Hoàng Văn C2 đang làm nương trồng màu), vị trí tại thôn NN, xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Do có sự thay đổi về vị trí nên các hộ gia đình có đất tại khu vực này trao đổi theo biên bản lập ngày 22/10/1997 giữa ông Pành có thửa ruộng 740m² trên quốc lộ 32 (hiện tại con trai ông Sôm đang làm nhà ở) đổi mảnh nương của ông Hoàng Văn Sôm giáp với ô số 2 là đất nương trồng màu của ông Hoàng Văn C2.

Tại Biên bản lập ngày 22/10/1997 giữa ông Hoàng Văn Pành và ông Hoàng Văn Sôm về việc trao đổi đất có xác nhận của thôn bản, UBND xã, Lâm trường VC; ông Hoàng Văn C2 có nhận của Lâm trường VC 2.000.000 đồng. Do đó, UBND huyện VC đã ban hành các văn bản thu hồi đất và có sơ đồ địa chính lập ngày 22/7/1997 kèm theo hồ sơ là cơ sở pháp lý để làm căn cứ.

UBND xã Tú Lệ khẳng định không có bằng chứng, tài liệu và cơ sở pháp lý là Lâm trường VC mượn đất của gia đình bà Lự Thị P và gia đình ông Hoàng Văn C2 để làm vườn ương.

Một số ý kiến của cán bộ UBND xã Tú Lệ thời điểm năm 1997 xác nhận việc gia đình bà Lự Thị P và gia đình ông Hoàng Văn C2 có cho Lâm trường VC mượn đất là không có cơ sở, căn cứ theo quy định của pháp luật vì các cán bộ UBND xã thời điểm năm 1997 đều là lãnh đạo chủ chốt của xã, nếu xác nhận việc mượn đất thì phải có văn bản, đến nay không cung cấp được tài liệu mượn đất, do vậy các ý kiến đó trái với quy định của pháp luật.

Ngày 13/8/2012, UBND huyện VC cấp GCNQSDĐ số vào sổ: CH 01254

cho ông Vũ Công M8, với diện tích 2.025,4m² (100m² đất ở tại nông thôn; 1.925,4m² đất trồng cây lâu năm).

Tháng 10/2014, ông Vũ Công M8 chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nêu trên cho 06 hộ:

Đồng Thị H11: 449,4m²;

Lò Văn M9 và Lò Thị L10: 531,7m²;

Lò Văn C13: 497,4m²;

Lò Văn Thịnh và Lò Thị L10: 315,8m²;

Hoàng Thị Văn: 107,5m²;

Lò Thị N15: 123,6m²;

Việc gia đình bà Lự Thị P và gia đình ông Hoàng Văn C2 yêu cầu hủy các Quyết định hành chính và hủy các GCNQSDĐ của các hộ nêu trên là không có căn cứ, là trái với quy định của pháp luật.

Theo đại diện Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện MCC, tỉnh Yên Bái có văn bản trình bày:

Ngày 02/7/1997, UBND huyện VC ban hành Quyết định số 41/QĐ-UBND giao đất làm vườn ươm cây giống cho Lâm trường VC - tại khu vực xã Tú Lệ, về diện tích gồm 2 ô đất, ô số 1: 1.123m²; ô số 2: 1.095m². Diện tích trên có phải Lâm trường VC mượn của gia đình bà Lự Thị P và gia đình ông Hoàng Văn C2 hay không thì Ban quản lý rừng phòng hộ huyện MCC không tiếp nhận tài liệu, giấy tờ, chứng cứ nào liên quan đến vườn ươm cây giống tại xã Tú Lệ. Vì vậy, đơn vị không thể khẳng định diện tích vườn ươm nêu trên Lâm trường VC có hay không có mượn của gia đình bà P và gia đình ông C2.

UBND huyện VC giao đất cho Lâm trường VC làm vườn ươm theo Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 02/7/1997, thì Lâm trường VC có được quyền chuyển nhượng đất cho người khác không (cụ thể: Ngày 03/6/2004, ông Phạm M9 Đoàn – Giám đốc Lâm trường có Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Vũ Công M8) về vấn đề này đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xem xét lại Hợp đồng giữa ông Phạm M9 Đoàn là Giám đốc Lâm trường với ông Vũ Công M8.

Ngày 23/12/2004, Chủ tịch UBND huyện VC ban hành Quyết định số 111A/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2004, về việc thu hồi đất làm vườn ươm cây giống tại khu vực xã Tú Lệ, huyện VC giao cho UBND xã Tú Lệ quản lý nhưng lại có Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/6/2004 (giữa Giám đốc Lâm trường VC và ông Vũ Công M8). Hợp đồng, giao dịch giữa ông Phạm M9 Đoàn là Giám đốc Lâm trường VC và ông Vũ Công M8 phát sinh vào ngày 03/6/2004 là logic về mặt thời gian (thời điểm UBND huyện chưa thu hồi

đất). Các bị đơn yêu cầu hủy các Quyết định hành chính và hủy giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất Lâm trường VC cho ông Vũ Công M8 ngày 03/6/2004 nêu trên, Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện MCC đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Văn V (đồng thời là người đại diện của bà Hoàng Thị T18, bà Hoàng Thị Yêu, bà Hoàng Thị Mến): Thống nhất với trình bày và đề nghị của các bị đơn (Lữ Thị P, Hoàng Văn K, Hoàng Văn H2).

Theo ông Vũ Công M8: Năm 2005, công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng XNK Thăng Long được UBND tỉnh Yên Bái chấp thuận cấp phép cho đầu tư 01 nhà máy chế biến tinh quặng chì kẽm tại xã Nậm Có, huyện MCC, tỉnh Yên Bái.

Năm 2006, cá nhân ông M8 có nhận chuyển nhượng phần đất của Lâm trường VC tại xã Tú Lệ để sinh sống và phục vụ các hoạt động của Công ty. Sau khi nhà máy xây dựng xong, hoạt động được khoảng 06 tháng thì nguồn quặng hết, buộc phải giải thể nhà máy. Do nhà máy bị dừng sớm nên công ty thua lỗ nhiều, buộc phải thanh lý nhà xưởng, dừng sản xuất và cá nhân ông M8 phải chịu trách nhiệm với đơn vị, nên phải chuyển nhượng đất của ông M8 tại xã Tú Lệ để bồi thường, giảm bớt số lỗ của Công ty. Mảnh đất ông M8 nhận chuyển nhượng năm 2004 của Lâm trường VC bằng nguồn tiền cá nhân, ông M8 có báo cáo UBND xã và có xác nhận của Chủ tịch UBND xã Tú Lệ, cá nhân ông M8 sinh sống và ở ổn định từ năm 2012; để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất, ông M8 đã làm đơn xin cấp GCNQSDĐ và được các cấp có thẩm quyền cho phép, ông M8 thực hiện đầy đủ thuế, các khoản phí nộp theo quy định của pháp luật hiện hành với các cơ quan chức năng của huyện VC và được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền trên mảnh đất đã nhận chuyển nhượng.

Sau đó, năm 2014 do không có nhu cầu sử dụng, ông M8 đã chuyển nhượng lại cho các hộ dân tại Yên Bái. Suốt quá trình từ năm 2004 sinh sống tại đây (mười năm) không phát sinh tranh chấp với bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào; mặt khác khi thực hiện các thủ tục để được cấp GCNQSDĐ các cơ quan chức năng đã thực hiện việc thông báo công khai hồ sơ đăng ký đất đai tại xã Tú Lệ và cũng không nhận được thông tin phản ánh gì về việc đất có tranh chấp và đến khi chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất (năm 2014) cũng không nhận được bất kỳ một khiếu kiện nào. Ngoài ra, ông M8 được biết Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái cũng có Kết luận thanh tra và trả lời đơn thư của công dân năm 2015 về việc khiếu kiện tranh chấp đất này, kết luận đã xác định đất không của hộ cá nhân nào trước đây. Việc các bị đơn đòi lại đất và hủy các Quyết định hành chính là không có căn cứ pháp lý.

Theo ông Lò Văn M9 và bà Lò Thị L10; bà Đồng Thị H11; ông Lò Văn

Thịnh và Lò Thị L10; ông Lò Văn C13; bà Hoàng Thị Văn; bà Lò Thị N15 cùng quan điểm, thể hiện như sau:

Tháng 10 năm 2014, các ông, bà có nhận chuyển nhượng đất của ông Vũ Công M8 (sinh năm 1960, trú tại: Tổ 35, phường Phương Liệt - T phố Hà Nội, là Giám đốc Công ty khai thác khoáng sản có Văn phòng tại thôn NN, xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái). Do không còn nhu cầu sử dụng nên ông M8 đã chuyển toàn bộ diện tích đất 81,4 mét có cạnh thửa theo chiều mặt đường, tổng diện tích 2.025,4m² (trong đó: 100m² đất ở lâu dài; 1.925,4m² đất trồng cây lâu năm), có GCNQSDĐ số CH 01254 do UBND huyện VC cấp ngày 13/8/2012 cho 06 hộ gia đình, cá nhân các ông bà như sau:

Lò Văn M9 và Lò Thị L10: 20 mét theo chiều mặt đường, tổng diện tích 531,7m²;

Đông Thị H11: 20 mét theo chiều mặt đường, tổng diện tích 449,4m²;

Lò Văn C13: 19,4 mét theo chiều mặt đường, tổng diện tích 497,4m²;

Lò Văn Thịnh và Lò Thị L10: 12 mét theo chiều mặt đường, tổng diện tích 315,8m²;

Hoàng Thị Văn: 05 mét theo chiều mặt đường, tổng diện tích 107,5m²;

Lò Thị N15: 05 mét theo chiều mặt đường, tổng diện tích 123,6m²;

Giá thỏa thuận là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng/1 mét theo chiều mặt đường), các ông, bà nhận chuyển nhượng đất đã thanh toán cho ông Vũ Công M8 bằng tiền mặt. Ngày 30/10/2014, UBND huyện VC cấp GCNQSDĐ cho các ông bà như sau:

GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH 01346, số sêri BV 814548 mang tên ông Lò Văn M9 và bà Lò Thị L10.

GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH 01345, số sêri BV 814500 mang tên bà Đông Thị H11.

GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH 01350, số sêri BV 814556 mang tên ông Lò Văn C13.

GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH 01347, số sêri BV 814549 mang tên ông Lò Văn Thịnh và bà Lò Thị L10.

GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH 01348, số sêri BV 814550 mang tên bà Hoàng Thị Văn.

GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH 01349, số sêri BV 814551 mang tên bà Lò Thị N15.

Việc các ông, bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Vũ Công M8 đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trước khi thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì mảnh đất trên không có tranh chấp nên các ông, bà mới cùng nhau mua.

Đối với ông Lò Văn M9 và bà Lò Thị L10, bà Đồng Thị H11: Đến năm 2016, do không còn nhu cầu sử dụng nữa nên đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông H theo thỏa thuận là 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng)/1 mét theo chiều mặt đường, với tổng số tiền là 1.200.000.000đồng (ông M9, bà L10 600.000.000đồng; bà H11 600.000.000đồng) hình thức thanh toán bằng tiền mặt; ông M9 và bà L10, bà H11 đã nhận đủ số tiền trên của ông H.

Việc ông M9 và bà L10, bà H11 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H đều được cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nay các bị đơn là gia đình bà Lự Thị P và gia đình ông Hoàng Văn C2 yêu cầu hủy các GCNQSDĐ do UBND huyện VC cấp cho các ông, bà không có tài liệu, bằng chứng làm cơ sở căn cứ, trái với quy định của pháp luật. Tại thời điểm các ông, bà nhận và chuyển quyền sử dụng đất đều phù hợp với điểm a, b, c và d Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 khoản 2 Điều 79 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy đề nghị Tòa án xử lý nghiêm đối với các bị đơn yêu cầu không đúng pháp luật, làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của các chủ sử dụng đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp và do công việc gia đình nên các ông, bà không tham gia tố tụng trong suốt thời gian giải quyết vụ án được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Theo ông Hà Văn C16 và bà Vũ Thị Tuyết L; ông Hoàng Đức D17 cùng quan điểm, thể hiện:

Năm 2017, các ông, bà có nhận chuyển nhượng mảnh đất của ông Lò Văn Thịnh và bà Lò Thị L10, với diện tích 315,8m², với giá thỏa thuận 530.000.000đồng/1 thửa đất; cụ thể: Ông Hoàng Đức D17 là 151,7m²; ông Hà M9 C16 và bà Vũ Thị Tuyết L là 164,1m².

Ngày 15/7/2017, UBND huyện VC cấp GCNQSDĐ cho các ông, bà như sau: GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH 01440, số seri CG 577807 mang tên ông Hoàng Đức D17; GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH 01439, số seri CG 577806 mang tên ông Hà M9 C16 và bà Vũ Thị Tuyết L. Việc ông Thịnh và bà L10 chuyển

nhượng quyền sử dụng đất cho các ông, bà đều được cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nay các bị đơn là gia đình bà Lữ Thị P và gia đình ông Hoàng Văn C2 yêu cầu hủy các GCNQSDĐ nêu trên do UBND huyện VC đã cấp cho các ông, bà là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các ông, bà. Do vậy, đề nghị Tòa án xử lý nghiêm M8 đem lại công bằng cho gia đình các ông, bà và các hộ đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ theo đúng quy định của pháp luật.

Những người làm chứng:

Theo ông Phạm M9 Đoàn trình bày: Năm 1997, ông Đoàn có làm Phó giám đốc Lâm trường VC, việc xin đất làm vườn ươm ở xã Tú Lệ do ông Trần Văn Học là Giám đốc trực tiếp làm việc với xã và huyện, việc thỏa thuận đền bù với dân do Giám đốc và Phòng Kế toán quyết định nên ông Đoàn không biết cụ thể. Hàng tháng, ông Đoàn lên kiểm tra việc sản xuất cây giống tại vườn ươm xã Tú Lệ, từ khi làm vườn ươm tại khu đất đã được UBND huyện VC giao cho Lâm trường, không xảy ra tranh chấp gì với dân. Năm 2004, Lâm trường không có nhu cầu gieo hạt tạo cây giống tại xã Tú Lệ; Lâm trường làm công văn trả lại đất theo diện tích và sơ đồ được UBND huyện VC giao cho. Lúc đó ông Đoàn làm giám đốc và không thấy UBND xã cùng các hộ dân phản ánh gì. Giá trị tài sản trên đất đã được Lâm trường thanh lý và bán cho ông M8, ông M8 trực tiếp nộp tiền tại Phòng Tài vụ của Lâm trường. Do ông bị ốm não, tuổi cao sức yếu nên ông Đoàn xin vắng mặt khi Tòa xét xử vụ án này (BL 330).

Tại biên bản xác M8 ngày 08/6/2020 ông Hà Văn Đàm trình bày: Năm 1997, huyện VC có chủ trương phủ xanh đất trống, đồi núi trọc nên Đảng ủy, Ủy ban đã trao đổi với các hộ dân lấy đất làm vườn ươm. Chúng tôi đã trao đổi với ông Hoàng Văn C2 để thu hồi diện tích đất (đã được đo đạc do ông Lò Văn Thúc hiện nay là Chủ tịch UBND xã quản lý số liệu), khi đó đất của ông C2 đang trồng ngô sắp được thu hoạch, ông C2 nhất trí. Khi mượn đất có ông Đoàn, ông M8, ông Thúc mời ông C2 lên nhà ông Đàm làm việc, chỉ trao đổi miệng với nhau, vì ngô trên đất đang thu hoạch thì ông Đoàn nhất trí bồi thường ngô là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Cùng đó là làm việc với ông Hoàng Văn Pành và bà Lữ Thị P thì chỗ đất thu này là đất có nguồn gốc của ông Sôm, đất ông Pành đang ở hiện nay thì đổi cho ông Sôm. Sau khi lấy đất của ông Sôm thì ông Pành và ông Sôm trao đổi đất có văn bản cụ thể được chúng tôi làm chứng, chứng kiến việc đổi đất là tự nguyện. Sau khi mượn đất, trao đổi để lấy đất thì Lâm trường VC sử dụng đất đến năm 2004; khi ông Đàm làm Chủ tịch UBND xã thì ông Đoàn đang quản lý Lâm trường, sau đó ông Đoàn chuyển nhượng đất cho ông M8 thế nào thì ông không rõ. Đến khi ông Thúc làm Chủ tịch thì ông có nghe việc chuyển nhượng đất cho các hộ, khi các hộ

san lấp mặt bằng thì dân mới biết có chuyển nhượng và có xảy ra tranh chấp, việc chuyển nhượng thế nào ông không rõ. Khu đất hiện đang tranh chấp là khu đất mà bản thân ông đã đứng ra mượn của các gia đình năm 1997.

Tại biên bản xác M8 ông Đồng Văn M8 trình bày: Năm 1997, ông M8 là Bí thư xã Tú Lệ, còn ông Đàm là Chủ tịch UBND xã, thời gian đó huyện VC có chủ trương trồng rừng ở khu vực xã Tú Lệ, khi trồng rừng cần làm vườn ươm để trồng cây; vì vậy, xã huy động các hộ ông Sôm, C2, Pành để lấy đất, mượn đất để làm vườn ươm. Khi đó là mượn đất không biết có giấy tờ gì hay không, đền bù hoa màu thế nào, diện tích cụ thể bao nhiêu ông M8 không rõ. Ông M8 không phải là người trực tiếp trao đổi việc mượn đất, ông chỉ đi cùng và cũng vì thời gian lâu ông không nhớ cụ thể, chỉ nhớ là đất đó cho ông Đoàn mượn đất để làm vườn ươm, sau khi ông Đoàn rút đi chuyển giao đất, chuyển nhượng bán cho ai ông không được biết.

Tại biên bản xác M8 ông Lự Văn Xuân trình bày: Ông Xuân công tác tại xã Tú Lệ từ năm 1989, từ năm 1994 đến năm 1999 là Phó Chủ tịch Ủy ban - Trưởng công an xã. Năm 1997, có chủ trương trồng rừng, xã Tú Lệ muốn có đất để làm vườn ươm cho Lâm trường VC, ông cùng ông Đàm có xuống các hộ gia đình gồm ông Sôm, ông Pành, ông C2 để mượn đất, được sự đồng ý của ông C2. Tuy lúc đầu ông Sôm không không ý vì bảo nhà đông con cháu cần đất canh tác. Khi đó ông Pành và ông Sôm trao đổi đất cho nhau (đất lúc đầu chỉ của ông Sôm và ông C2 vì ông Pành lấy đất ruộng tư của mình để đổi cho ông Sôm), ông Pành chưa lấy đồng nào của xã, sau khi đổi đất với ông Sôm, còn ông C2 được nhà nước hỗ trợ hoa màu 2.000.000đồng. Sau khi không làm vườn ươm thì UBND huyện VC lên làm việc nói là bán đấu giá, tuy nhiên thủ tục không công khai việc mua bán trao đổi giữa các hộ dân dẫn đến có tranh chấp. Theo quan điểm của ông Xuân việc cấp giấy chứng nhận cho các cá nhân là chưa đúng, việc bán đất là phải đúng thủ tục, công khai tuy nhiên vì chưa phù hợp nên việc chuyển nhượng là không đúng. Tại khu vực xã Tú Lệ thì năm 2000 có đoàn cán bộ thực tập kết hợp với chính quyền cấp giấy chứng nhận cho các hộ dân, trước đó thì dân cứ khai phá và canh tác, không có giấy tờ gì.

Theo ông Lò T6 Bun trình bày: Từ tháng 01 năm 1998, ông Bun là bí thư Đoàn xã Tú Lệ đến tháng 5 năm 2000 làm các bộ địa chính xã Tú Lệ cho đến nay vẫn công tác địa chính xã Tú Lệ. Thời điểm năm 2004 giữa ông Phạm M9 Đoàn là Giám đốc Lâm trường VC và ông Vũ Công M8 là Giám đốc công ty khai thác và chế biến khoáng sản Hà Nội chuyển nhượng đất, về nguồn gốc đất do UBND huyện VC thu hồi từ 02 hộ ông Hoàng Văn Pành và ông Hoàng Văn C2 giao cho Lâm trường VC sử dụng ươm cây giống, với diện tích 2.218m² gồm 02 ô (ô số 01 có 1.023 m²; ô số 02 có 1.095 m²) lấy từ đất nương trồng màu, vị trí tại thôn Nước

Nóng, giáp nghĩa trang Trung Quốc. Do có sự thay đổi vị trí nên các hộ gia đình có đất tại khu vực này đã trao đổi theo biên bản lập ngày 22/10/1997 giữa ông Hoàng Văn Pành có thửa ruộng diện tích 740m² trên quốc lộ 32 đổi mảnh nương của ông Hoàng Văn Sôm, giáp với ô số 02 là đất nương trồng màu của ông Hoàng Văn C2 do xã và Lâm trường thỏa thuận trả tiền 2.000.000đồng. Ông Hoàng Văn Pành giữ lại ô số 01 để canh tác (có sơ đồ địa chính và biên bản thay đổi vị trí). Năm 2004, do Lâm trường không còn nhu cầu sử dụng khu đất này nữa nên ông Đoài và ông M8 tự lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/6/2004 được UBND xã Tú Lệ, phòng Địa chính huyện và UBND huyện VC xác nhận, ký đóng dấu. Ông Vũ Công M8 sử dụng đất từ 2004 đến 2012 thì ông M8 có nhận chuyển nhượng khoảng 195m² đất từ ông Hoàng Văn Pành, sau đó ông M8 làm thủ tục đề nghị UBND huyện VC xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 2.025,4m² đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH01254 cấp ngày 13/8/2012 (trong đó có 100m² đất ở nông thôn; 1.925,4m² đất trồng cây lâu năm). Việc cấp GCNQSDĐ nêu trên do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VC lập hồ sơ và xin chữ ký những người liên quan, xác nhận của UBND xã. Đồng thời Văn phòng đất đai phối hợp với địa chính xã đo đạc bằng máy toàn đạc; việc phối hợp thống nhất cấp GCNQSDĐ cho ông Vũ Công M8, xã Tú Lệ không được tham gia và việc cấp hồ sơ không do xã lập trình theo quy định (các văn bản làm căn cứ gồm: Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 02/7/1997 của Ủy ban huyện VC về việc thu hồi đất; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm M9 Đoài với ông Vũ Công M8 lập ngày 03/6/2004; Biên bản làm việc ngày 24/7/2012 của UBND huyện VC về việc thống nhất giải quyết vướng mắc, tồn tại trong quá trình giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Công M8). Các văn bản, quyết định về khu đất này ông Bun cũng không được nhận, đến sau này có xảy ra tranh chấp ông Bun mới thu thập lấy từ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VC về để làm căn cứ hòa giải tại cơ sở.

Tháng 10/2014, ông M8 do không có nhu cầu sử dụng thửa đất và Công ty đã chuyển đi nơi khác không hoạt động nên đã chuyển toàn bộ diện tích 2.025,4m² (trong đó: 100m² đất ở lâu dài; đất 1.925,4m² đất trồng cây lâu năm) có GCNQSDĐ số CH 01254 do UBND huyện VC cấp ngày 13/8/2012 cho 06 hộ gia đình, gồm: Đồng Thị H11 diện tích 449,4m²; Lò Văn M9 và Lò Thị L10 diện tích 531,7m²; Lò Văn C13 diện tích 497,4m²; Lò Văn Thịnh và Lò Thị L10 diện tích 315,8m²; Hoàng Thị Văn diện tích 107,5m²; Lò Thị N15 diện tích 123,6m². Căn cứ vào quy định của Luật Đất đai 2013 và Nghị định hướng dẫn thi hành thì tại thời điểm này ông M8 đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác theo quy định và hộ gia đình, cá nhân trên đủ điều kiện nhận chuyển nhượng đất

được cấp GCNQSDĐ theo quy định. Đến năm 2016, một số hộ gia đình là Đồng Thị H11; Lò Văn M9 và Lò Thị L10 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đăng H, bà Lê Thị L; Lò Văn Thịnh chuyển nhượng cho Hà M9 C16 và Vũ Thị Tuyết L, Hoàng Đức D17. Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ Lâm trường VC cho ông M8, ông Bun là cán bộ địa chính xã nhưng không được tham gia bàn bạc, giải quyết việc cấp GCNQSDĐ cho ông M8 và cũng không được lập hồ sơ nên không nắm rõ. Còn việc chuyển từ ông M8 cho các hộ, từ các hộ cho nhau thì ông Bun đã xem xét tính hợp pháp của các bên tại điểm a, b, c và d Điều 188 Luật Đất đai sửa đổi 2013 và quy định của Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì tại thời điểm này ông M8 và hộ gia đình, cá nhân trên đủ điều kiện chuyển nhượng và cấp GCNQSDĐ hợp pháp đúng theo quy định pháp luật hiện hành.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, sơ đồ thửa đất và thống nhất của các đương sự tại phiên tòa thể hiện:

Bà Lữ Thị P xác định thửa đất của gia đình bà gồm: Thửa số 01 và thửa số 02 (thửa đất số 01 ONT có diện tích 12,7m², thửa đất số 02 ONT có diện tích 324,4m²); bà Lò Thị C3 xác định thửa đất của gia đình bà là thửa số 03 (thửa 03 ONT + CLN có diện tích 553,8m²); ông Nguyễn Đăng H xác định thửa đất của gia đình mình được cấp theo GCNQSDĐ là 981,1m².

Trên thửa đất đang tranh chấp có:

01 ngôi nhà xây cấp 4 (02 gian) có diện tích 32m², xây bằng gạch đỏ, tường 10 khung sắt, có chiều rộng 08m, chiều dài 04m, chiều cao 04m, mái lợp tole xộp và tole thường, nền láng bê tông; phía bên trái ngôi nhà nhìn từ quốc lộ 32 vào có 01 gian bếp xây bằng gạch ba vanh, mái lợp proximãng, có diện tích 05m², chiều rộng 2,5m, chiều dài 02m, nền láng bê tông; phía bên phải ngôi nhà nhìn từ quốc lộ 32 vào có 01 gian buồng ngủ xây bằng gạch ba vanh, mái lợp proximãng, có diện tích 08m², chiều rộng 02m, chiều dài 04m, nền lángximãng; 01 bể nước rộng 01m, dài 02m, cao 1,5m phía sau là nhà vệ sinh rộng 1m, dài 2m; phía trước ngôi nhà có 01 mái hiên khung sắt lợp tole thường có diện tích 36m², phía trái mái hiên trước nhà có 01 cầu rửa xe làm bằng bê tông; 02 trụ xây bằng gạch đỏ dùng làm cổng ra vào khu đất, có chiều cao 1,5m, chiều rộng 30x30cm; 2,5m tường xây bằng gạch ba vanh và 02 hàng gạch đỏ được nối với 01 trụ cổng (toàn bộ khu nhà và công trình này được Hoàng Văn H2 xây dựng); ngoài ra, trên đất còn có 03 cây xoan khoảng 04 tuổi và 01 ống sắt, loại ống 60cm, cao 04m dùng căng dây.

01 ngôi nhà xây bằng gạch ba vanh, mái lợp proximãng, có diện tích 20m², chiều rộng 05m, chiều dài 04m, nền lángximãng (ngôi nhà này do Hoàng Văn T8 xây dựng);

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã quyết định: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 133; các Điều 500, 501, 502, 503 của Bộ luật Dân sự; Điều 24 của Luật Đất đai năm 1993; Điều 44 của Luật Đất đai năm 2003; các Điều 166, 167, 188, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 34; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng H và bà Lê Thị L.

Buộc các đồng bị đơn (Lữ Thị P, Hoàng Văn K, Hoàng Văn H2; Hoàng Văn C2, Lò Thị C3, Hoàng Văn M2, Nùng Thị N2, Hoàng Thị C4, Hoàng Văn T5, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn T7, Hoàng Văn T8) phải trả lại diện tích 981,1m² đất (trong đó: Đất ở 724m²; đất trồng cây lâu năm 257,1m²) đã được UBND huyện VC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 560250, vào sổ số GCN: CH 01458 ngày 22/11/2017 tại thôn NN, xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái cho ông Nguyễn Đăng H và bà Lê Thị L.

Buộc các bị đơn (Hoàng Văn H2 và Hoàng Văn T8) phải tháo dỡ toàn bộ các công trình xây dựng, cây trồng trên diện tích 981,1m² đất (trong đó: đất ở 724m², đất trồng cây lâu năm 257,1m²) đã được UBND huyện VC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 560250, vào sổ số GCN: CH 01458 ngày 22/11/2017 tại thôn NN, xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái để trả lại diện tích đất cho ông Nguyễn Đăng H, bà Lê Thị L, bao gồm:

01 ngôi nhà xây cấp 4 (02 gian) có diện tích 32m², xây bằng gạch đỏ, tường 10 khung sắt, có chiều rộng 08m, chiều dài 04m, chiều cao 04m, mái lợp tole xóp và tole thường, nền láng bê tông; phía bên trái ngôi nhà nhìn từ quốc lộ 32 vào có 01 gian bếp xây bằng gạch ba vanh, mái lợp proximăng, có diện tích 05m², chiều rộng 2,5m, chiều dài 02m, nền láng bê tông; phía bên phải ngôi nhà nhìn từ quốc lộ 32 vào có 01 gian buồng ngủ xây bằng gạch ba vanh, mái lợp proximăng, có diện tích 08m², chiều rộng 02m, chiều dài 04m, nền láng ximăng; 01 bể nước rộng 01m, dài 02m, cao 1,5m phía sau là nhà vệ sinh rộng 1m, dài 2m; phía trước ngôi nhà có 01 mái hiên khung sắt lợp tole thường có diện tích 36m², phía trái mái hiên trước nhà có 01 cầu rửa xe làm bằng bê tông; 02 trụ xây bằng gạch đỏ dùng làm cổng ra vào khu đất, có chiều cao 1,5m, chiều rộng 30x30cm; 2,5m tường xây bằng gạch ba vanh và 02 hàng gạch đỏ được nối với 01 trụ cổng (toàn bộ khu nhà và công trình này được Hoàng Văn H2 xây dựng); ngoài ra, trên đất còn có 03 cây xoan khoảng 04 tuổi và 01 ống sắt, loại ống 60cm, cao 04m dùng căng dây.

01 ngôi nhà xây bằng gạch ba vạnh, mái lợp proximăng, có diện tích 20m², chiều rộng 05m, chiều dài 04m, nền láng ximăng (ngôi nhà này do Hoàng Văn T8 xây dựng);

2. Chấp nhận đề nghị của các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (đại diện ông Hoàng Văn V) về việc hủy: Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 02 tháng 7 năm 1997 của UBND huyện VC về việc giao đất làm vườn ươm cây giống cho Lâm trường VC tại xã Tú Lệ, huyện VC; Quyết định số 111A/QĐ-UB ngày 23 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch UBND huyện VC về việc thu hồi đất làm vườn ươm cây giống tại khu vực xã Tú Lệ, huyện VC giao cho UBND xã Tú Lệ quản lý, do sai về thẩm quyền ban hành Quyết định.

3. Không chấp nhận đề nghị của các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (đại diện ông Hoàng Văn V) về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 560250, số vào sổ cấp GCN: CH 01458 ngày 22/11/2017, với diện tích là 981,1m² (trong đó: Đất ở 724,0m², đất trồng cây lâu năm 257,1m²) do UBND huyện VC cấp cho ông Nguyễn Đăng H và bà Lê Thị L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2021, bị đơn là ông Hoàng Văn C2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 04/10/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 05/10/2021, bị đơn là bà Lữ Thị P có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lữ Thị P, ông Hoàng Văn C2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Nguyễn Đăng H và bà Lê Thị L đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ông Hoàng Văn M2 và ông Hoàng Văn T7 đề nghị xem xét đảm bảo quyền lợi của các ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến của các đương sự tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề quyết định không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Lữ

Thị P, ông Hoàng Văn C2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bà Lữ Thị P, ông Hoàng Văn C2 và anh Hoàng Văn V trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng đất của nguyên đơn:

[2.1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích đất tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của các đương sự, những người làm chứng và qua xác M8 tại UBND xã Tú Lệ, UBND huyện VC, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở khẳng định nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp là do các hộ gia đình ông Hoàng Văn Pành, bà Lữ Thị P và ông Hoàng Văn C2, bà Lò Thị C3 khai phá, sử dụng. Đến năm 1997, UBND huyện VC đã thu hồi để giao cho Lâm Trường VC làm vườn ươm cây giống. Năm 2004, Lâm trường VC không còn nhu cầu sử dụng đất nên đã lập hợp đồng thanh lý tài sản trên diện tích đất 2.025,4m² cho ông Vũ Công M8. Ông Vũ Công M8 sử dụng ổn định tài sản trên đất và toàn bộ diện tích đất tranh chấp từ năm năm 2004 đến năm 2012 để sinh sống và phục vụ các hoạt động của Công ty. Đến tháng 6 năm 2012, ông Vũ Công M8 xin đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND huyện VC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01254, diện tích 2.025,4m² (gồm 100m² đất ở và 1.925,4m² đất trồng cây lâu năm). Năm 2014, ông Vũ Công M8 chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nêu trên cho các hộ, gồm: hộ bà Đồng Thị H11, diện tích 449,4m² đất trồng cây lâu năm; hộ bà Đồng Thị H11, diện tích 449,4m² đất trồng cây lâu năm; hộ ông Lò Văn C13, diện tích 497,4m² đất trồng cây lâu năm; hộ ông Lò Văn M9, diện tích 531,7m² đất trồng cây lâu năm; hộ ông Lò Văn Thịnh, diện tích 315,8m² (trong đó 100m² đất ở, 215,8m² đất trồng cây lâu năm); hộ bà Hoàng Thị Vân, diện tích 107,5m² đất trồng cây lâu năm; hộ bà Lò Thị N15, diện tích 123,6m² đất trồng cây lâu năm. Những người nhận chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất từ ông Vũ Công M8 đều đã được UBND huyện VC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2016, các hộ ông Lò Văn M9 và bà Lò Thị L10; bà Đồng Thị H11 chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho ông Nguyễn Đăng H, bà Lê Thị L theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 24/02/2017. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Đăng H

kê khai và được UBND huyện VC cấp GCNQSDĐ số CL560250, vào sổ số GCN: CH 01458 ngày 22/11/2017 đối với diện tích đất là 981,1m² (trong đó: Đất ở 724m², thời hạn sử dụng lâu dài; đất trồng cây lâu năm 257,1m², thời hạn đến tháng 4/2062). Năm 2017, ông H cho ông Dũng (trú tại: Thôn PB, xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái) thuê đất thì phát sinh tranh chấp với bị đơn. Năm 2020, ông Hoàng Văn H2 là con của bà Lự Thị P và ông Hoàng Văn T8 là con của ông Hoàng Văn C2 đã xây dựng 01 gian nhà cấp 4, 01 ngôi nhà xây bằng gạch ba vạnh cùng các công trình phụ trên đất và sử dụng đến nay.

[2.2] Xét yêu cầu đòi lại đất bị chiếm giữ trái pháp luật của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thửa đất đang có tranh chấp được ông Nguyễn Đăng H, bà Lê Thị L nhận chuyển nhượng lại từ ông Lò Văn M9, bà Lò Thị L10 và bà Đồng Thị H11. Tại thời điểm các bên làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, các thửa đất nêu trên đã được UBND huyện VC cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01346 và số CH 01345 cùng ngày 30/10/2014. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên được lập T văn bản tại UBND xã Tú Lệ, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Như vậy, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên phù hợp với quy định tại Điều 167 của Luật Đất đai và các Điều 501, 502 của Bộ luật Dân sự. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông H đã kê khai đăng ký và được cấp GCNQSDĐ đối với toàn bộ diện tích đất nhận chuyển nhượng, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 188 của Luật Đất đai, Điều 503 của Bộ luật Dân sự thì việc chuyển quyền sử dụng đất đã phát sinh hiệu lực.

Các bị đơn khai năm 1997, đại diện UBND xã Tú Lệ và đại diện Lâm trường VC có mượn của gia đình các bị đơn phần diện tích đất tranh chấp, sau khi không sử dụng đất đã không trả lại mà UBND huyện VC giấu giếm, bí mật bán diện tích đất nêu trên là không có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn xuất trình các giấy xác nhận của các ông Đồng Văn M8, Hà Văn Đàm, Lự Văn Xuân thể hiện gia đình ông Hoàng Văn Pành và ông Hoàng Văn C2 có cho Lâm trường VC mượn đất năm 1997, nhưng lời khai của các ông Đồng Văn M8, Hà Văn Đàm, Lự Văn Xuân cũng chỉ thể hiện có nghe nói, có biết sự việc mượn đất, bồi thường 2.000.000 đồng tiền cây hoa màu (ngô) cho ông Hoàng Văn C2 nhưng không có văn bản cụ thể nào thể hiện có việc thoả thuận giữa chính quyền với các hộ gia đình về việc mượn đất. Các ông Đồng Văn M8, Hà Văn Đàm, Lự Văn Xuân, thời điểm năm 1997 đều là lãnh đạo chủ chốt của xã, sau đó, chính UBND xã Tú Lệ lại xác nhận vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Lâm trường VC cho ông Vũ Công M8. Tòa án cấp sơ thẩm nhiều lần yêu

cầu các bị đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng M8 quyền sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp và tài liệu chứng M8 việc mượn đất của Lâm trường VC. Tuy nhiên, các bị đơn không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc đã cho mượn đất cũng như các giấy tờ về quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đang tranh chấp. Mặt khác, căn cứ vào lời khai của đại diện UBND xã Tú Lệ và ông Lò T6 Bun, Bản đồ địa chính vườn ươm cây giống Tú Lệ L. Trường VC (bút lục số 381) thể hiện vào năm 1997 để xây dựng vườn ươm, UBND huyện VC đã thu hồi diện tích đất 2.218m² tại khu vực nghĩa trang Trung Quốc cũ thuộc xã Tú Lệ (bao gồm cả phần diện tích đất đang có tranh chấp hiện nay). Ngoài ra, sau khi nhận chuyển nhượng tài sản của Lâm trường VC, ông M8 là người sử dụng ổn định liên tục diện tích đất tranh chấp từ năm 2004 đến năm 2012 (được cấp GCNQSDĐ), sau đó ông M8 chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho 06 hộ dân đều đã được UBND huyện VC cấp GCNQSDĐ; hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông M8 cũng như 06 hộ dân nhận chuyển nhượng đất của ông M8 và hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông H đều có chữ ký giáp ranh của chủ hộ là ông Hoàng Văn Pành, UBND xã Tú Lệ xác nhận không đất không có tranh chấp gì. Các bị đơn đều khẳng định có biết Lâm trường VC không sử dụng đất làm vườn ươm từ năm 2004, nhưng suốt quá trình từ năm 2004 đến năm 2017 gia đình ông Pành không có ý kiến gì về việc đòi lại đất cho mượn. Chỉ có năm 2015, ông Hoàng Văn C2 có đơn đề nghị trả đất, đã được Thanh tra Nhà nước tỉnh Yên Bái kết luận và ông C2 đã thôi không có khiếu nại gì nữa.

Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng: Diện tích đất đang có tranh chấp tính đến thời điểm ông Nguyễn Đăng H, bà Lê Thị L nhận chuyển nhượng đã được chuyển giao qua nhiều chủ sử dụng đất thông qua các giao dịch dân sự. Các chủ sử dụng đất đều đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông Nguyễn Đăng H, bà Lê Thị L sử dụng đất là ngay tình. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 133 của Bộ luật Dân sự thì việc chuyển nhượng đất giữa ông Nguyễn Đăng H, bà Lê Thị L và anh Lò Văn M9, chị Lò Thị L10, chị Đồng Thị H11 không bị vô hiệu nên quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Đăng H, bà Lê Thị L cần được bảo vệ.

Do vậy, yêu cầu của ông Nguyễn Đăng H và bà Lê Thị L về việc đòi lại diện tích đất 981,1m² (trong đó: Đất ở 724m²; đất trồng cây lâu năm 257,1m²) tại thôn NN, xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái được UBND huyện VC cấp GCNQSDĐ số CL560250, vào sổ số GCN: CH 01458 ngày 22/11/2017 mang tên Nguyễn Đăng H và Lê Thị L là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của các bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (đại diện ông Hoàng Văn V) về việc huỷ Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 02 tháng 7 năm 1997 của UBND huyện VC và Quyết định số 111A/QĐ-UB ngày 23 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch UBND huyện VC; Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Điều 24 của Luật Đất đai năm 1993 quy định: “*Thẩm quyền giao đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp được quy định như sau: 1 - UBND tỉnh, T. phố trực thuộc Trung ương giao đất cho các tổ chức;*” và tại Điều 44 của Luật Đất đai năm 2003 quy định thẩm quyền thu hồi đất: “*1. UBND tỉnh, T. phố trực thuộc Trung ương quyết định thu hồi đất đối với tổ chức...*”

Như vậy, việc UBND huyện VC giao đất làm vườn ươm cây giống cho Lâm trường VC tại xã Tú Lệ, huyện VC và việc Chủ tịch UBND huyện VC ban hành quyết định thu hồi đất làm vườn ươm cây giống tại khu vực xã Tú Lệ, huyện VC giao cho UBND xã Tú Lệ quản lý là sai thẩm quyền. Về trình tự, thủ tục và nội dung của các Quyết định, do các đương sự không cung cấp được hồ sơ, tài liệu chứng cứ ban hành các Quyết định nêu trên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đề nghị của các bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về việc huỷ: Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 02 tháng 7 năm 1997 của UBND huyện VC về việc giao đất làm vườn ươm cây giống cho Lâm trường VC tại xã Tú Lệ, huyện VC và Quyết định số 111A/QĐ-UB ngày 23 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch UBND huyện VC về việc thu hồi đất làm vườn ươm cây giống tại khu vực xã Tú Lệ, huyện VC giao cho UBND xã Tú Lệ quản lý.

[4] Xét đề nghị huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Đăng H và bà Lê Thị L của các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Ông Nguyễn Đăng H, bà Lê Thị L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lò Văn M9, bà Lò Thị L10 và bà Đồng Thị H11 có lập văn bản xác thực của UBND xã Tú Lệ. Theo nội dung đã phân tích tại mục [2.2] thì việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Đăng H, bà Lê Thị L với ông Lò Văn M9, bà Lò Thị L10 và bà Đồng Thị H11 là hợp pháp. Các bên đã thực hiện việc giao nhận tiền, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, H thiện hồ sơ đăng ký biến động đối với đất. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lò Văn M9, bà Lò Thị L10 và bà Đồng Thị H11, ông Nguyễn Đăng H, bà Lê Thị L đã thực hiện việc kê khai đăng ký đối với đất. Ngày 28/02/2017, UBND xã Tú lệ lập tờ trình về việc thẩm tra hồ sơ đăng ký biến động đất đai; lập biên bản xác định ranh giới, mốc giới, đo vẽ sơ đồ, hình thể thửa đất và lấy chữ ký các hộ giáp ranh. Trong đó thể hiện

hộ ông Pành có ký vào Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất khi làm hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Đăng H, bà Lê Thị L. Tại cấp sơ thẩm, các bị đơn cho rằng có sự giả mạo chữ ký của ông Pành trên các Biên bản xác định ranh giới, mốc giới trong hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Đăng H, bà Lê Thị L và đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của ông Hoàng Văn Pành. Tuy nhiên, việc giám định không thực hiện được do phía các bị đơn không xuất trình được tài liệu là bản chính có chữ ký, chữ viết trực tiếp của ông Hoàng Văn Pành và không chứng M8 được các tài liệu gửi giám định là tài liệu do ông Hoàng Văn Pành ký, viết ra. Vì vậy, không có cơ sở để cho rằng đã có sự giả mạo chữ ký, chữ viết như phía bị đơn đã nêu.

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn Đăng H, bà Lê Thị L, UBND huyện VC đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL560250, vào sổ số GCN: CH 01458 đối với diện tích đất là 981,1m² (trong đó: Đất ở 724m², thời hạn sử dụng lâu dài; đất trồng cây lâu năm 257,1m², thời hạn đến tháng 4/2062) cho ông Nguyễn Đăng H, bà Lê Thị L là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật Đất đai. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận đề nghị huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Đăng H và bà Lê Thị L của các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Xét đề nghị huỷ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Lâm trường VC cho ông Vũ Công M8 ngày 03/6/2004; các GCNQSDĐ cấp cho: Ông Vũ Công M8; ông Lò Văn M9 và bà Lò Thị L10; bà Đồng Thị H11; ông Lò Văn Thịnh và bà Lò Thị L10; bà Hoàng Thị Văn; bà Lò Thị N15; ông Lò Văn C13. Đây là các giao dịch dân sự và các GCNQSDĐ được cấp trên cơ sở Hợp đồng, không phải là Quyết định hành chính cá biệt trong vụ án nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án này là đúng quy định pháp luật.

[6] Đối với đề nghị Lâm trường VC, UBND xã Tú Lệ, UBND huyện VC trả lại đất mà gia đình bà P cho Lâm trường VC mượn từ năm 1997 của các bị đơn là gia đình bà Lự Thị P, Hội đồng xét xử thấy: Đây là tranh chấp dân sự, không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án này. Trong trường hợp các đương sự có căn cứ để chứng M8 việc cho mượn đất, thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng H, bà Lê Thị L có cơ sở được chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị đơn Hoàng Văn

H2 và Hoàng Văn T8 phải tự tháo dỡ toàn bộ các công trình xây dựng, cây trồng, vật kiến trúc gắn liền trên đất được xác định theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, sơ đồ thửa đất (kèm theo) lập ngày 20/12/2020 để trả lại mặt bằng cho ông H, bà L là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm những người kháng cáo không xuất trình được tình tiết hoặc tài liệu, chứng cứ mới. Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng H, bà Lê Thị L và chấp nhận một phần yêu cầu của các bị đơn theo quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc không chấp nhận kháng cáo của bà Lữ Thị Phương, ông Hoàng Văn V, Hoàng Văn C2 và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở, được chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lữ Thị P, anh Hoàng Văn V, ông Hoàng Văn C2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do bà P, ông C2 và anh V đều có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự phúc thẩm cho các đương sự theo quy định pháp luật.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Lữ Thị P, Hoàng Văn C2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lữ Thị Phương, anh Hoàng Văn V, ông Hoàng Văn C2. H trả tiền tạm ứng án phí cho bà P, ông C2 và anh V mỗi người 300.000đồng theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0002254, 0002252, 0002253 ngày 21/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA

Nguyễn Văn C16

Trần Văn Tuấn

Lê Thị Thúy Bình